

THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN TRONG VIỆC TỰ TUYÊN BỐ GIAO DỊCH VÔ HIỆU

ĐỖ VĂN ĐẠI

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City University of Law

Email: dvdaiv@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bộ luật dân sự có quy định về những trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng lại chưa rõ về trường hợp nào Tòa án có quyền tự xem xét, tuyên bố giao dịch vô hiệu khi không có bên nào yêu cầu. Bài viết cho thấy có điểm khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và một số hệ thống pháp luật trên thế giới. Nếu vô hiệu là chế tài cho việc vi phạm quy định bảo vệ lợi ích chung, Tòa án có thể tự xem xét, tuyên bố giao dịch vô hiệu. Tuy nhiên, nếu vô hiệu là chế tài cho việc vi phạm quy định bảo vệ lợi ích của chủ thể tham gia giao dịch, Tòa án không có quyền tự xem xét, tuyên bố giao dịch vô hiệu khi chủ thể được bảo vệ không yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu.

Từ khóa: vô hiệu, Tòa án tự tuyên, quy định bảo vệ lợi ích chung, quy định bảo vệ lợi ích của một bên

Abstract

The 2015 Civil Code stipulates cases of invalid civil transactions but does not clarify when the court has the authority to examine and declare a transaction invalid without a request from any party. The article highlights differences between Vietnamese law and certain legal systems around the world. Here, if invalidity serves as a sanction for violating regulations protecting the common interest, the court may independently review and declare the transaction invalid. However, if invalidity serves as a sanction for violating regulations protecting the interests of the parties involved in the transaction, the court does not have the authority to independently review and declare the transaction invalid if the protected party does not request the court to declare it invalid.

Keywords: invalidity, court's independent declaration, public interest protection, regulations protecting the interests of one party

Ngày nhận bài: 13/08/2024

Ngày duyệt đăng: 05/10/2024

Theo Điều 116 của Bộ Luật Dân sự (BLDS) năm 2015: “Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.” Để có hiệu lực, giao dịch phải đáp ứng “Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự” được quy định tại Điều 117 BLDS năm 2015 và “Giao dịch dân sự không có một trong các điều kiện được quy định tại Điều 117 của Bộ luật này thì vô hiệu, trừ trường hợp Bộ luật này có quy định khác” (Điều 122 BLDS năm 2015).

Khi giao dịch dân sự thuộc trường hợp vô hiệu, một số hệ thống pháp luật như Đức, Anh¹ cho phép một bên tự tuyên bố giao dịch vô hiệu bằng cách gửi thông báo cho bên kia. Ở Đức, “yêu cầu sự can thiệp của Tòa án không bao giờ cần thiết (trừ trong lĩnh vực hôn nhân): vô hiệu tồn tại theo pháp luật, một tuyên bố của bên liên quan là đủ”.² Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng theo hướng vừa nêu tại Điều 4:112, theo đó: “Vô hiệu hợp đồng diễn ra bởi thông báo cho một bên”. Ở đây, “không cần một quyết định của Tòa án để vô hiệu hợp đồng: vô hiệu có thể và cần phải thực hiện thông

1 G. Rouhette, *Principes européens du contrat*, Société de législation comparée 2003, tr. 235.

2 Yves Picod, “Nullité”, *Répertoire de droit civil* Dalloz, 2019, phần 58.

qua việc gửi thông báo cho đối tác trong hợp đồng”.³ Tuy nhiên, “yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu là cần thiết ở Bỉ, Pháp và Luxembourg”.⁴ Trong hệ thống pháp luật của Pháp, “một hợp đồng vô hiệu có bề ngoài của một hợp đồng hợp pháp và chỉ Tòa án có thẩm quyền xem xét lại suy đoán có hiệu lực này của hợp đồng”.⁵ Ở hệ thống này, “hợp đồng chỉ vô hiệu nếu việc vô hiệu được Tòa án tuyên”⁶ và ngày nay khoản 1 Điều 1178 BLDS Pháp khẳng định “sự vô hiệu cần được Tòa án tuyên, trừ trường hợp các bên xác nhận sự vô hiệu theo một thỏa thuận chung”. Pháp luật của chúng ta theo hướng thứ hai vừa nêu (mặc dù, khi sửa đổi BLDS vào năm 2015, đã có lúc Dự thảo sửa đổi theo hướng thứ nhất). Ở Việt Nam hiện nay, một bên không thể tự tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu bằng cách gửi thông báo cho bên kia mà việc vô hiệu này cần được tuyên bởi Tòa án (trừ khi các bên thống nhất giao dịch là vô hiệu và không có tranh chấp).

Vì việc tuyên giao dịch vô hiệu phải qua Tòa án nên có thể xảy ra ba trường hợp sau: *thứ nhất*, một bên trong giao dịch yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu; *thứ hai*, người thứ ba (so với các bên trong giao dịch) yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu; *thứ ba*, Tòa án tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu khi giải quyết vụ việc liên quan đến giao dịch dù không có ai yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu. Thực tế, Tòa án nhân dân tối cao đã có hướng dẫn vào năm 2023 về thẩm quyền của Tòa án trong việc tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu khi không bên nào yêu cầu Tòa án làm việc này. Tuy nhiên, phạm vi áp dụng của đường lối này chưa rõ ràng và có thể dẫn tới việc áp dụng không đúng pháp luật. Do đó, bài viết này làm rõ hơn trường hợp Tòa án có thể tự tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và trường hợp Tòa án không thể tự tuyên bố giao dịch vô hiệu khi không có ai yêu cầu Tòa án làm việc này. Trước khi đi vào phân tích cụ thể, xin lưu ý thêm rằng các phân tích ở đây tập trung vào thẩm quyền của Tòa án. Nếu giao dịch có thỏa thuận trọng tài thì các phân tích được áp dụng cho Trọng tài vì lúc này Tòa án không có thẩm quyền và, thay vào đó, việc tuyên bố giao dịch vô hiệu thuộc về Trọng tài.⁷

1. Trường hợp Tòa án được tự xem xét, tuyên bố giao dịch vô hiệu

1.1. Kinh nghiệm ban hành quy định ở nước ngoài

Một số hệ thống pháp luật trên thế giới ghi nhận khái niệm “vô hiệu tuyệt đối”, từ đó trao khả năng Tòa án tự tuyên bố giao dịch vô hiệu. Thực tế,

³ G. Rouhette, *Sđd*, tr. 234.

⁴ G. Rouhette, *Sđd*, tr. 235.

⁵ Yves Picod, *tlđđ*, phần 58.

⁶ Ph. Malaurie, L. Aynès và Ph. Stoffel-Munch, *Les obligations*, Nxb. Deffrénois 2004, phần số 699.

⁷ Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định: “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được.” Do đó, nếu trong hợp đồng các bên đã thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì Tòa án không được thụ lý giải quyết kể cả trong trường hợp yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu (vì thời điểm yêu cầu vẫn phải tuân thủ theo hợp đồng).

Pháp có khái niệm vô hiệu tuyệt đối và khái niệm này được ghi nhận chính thức trong BLDS được sửa đổi năm 2016. Cụ thể, tại Điều 1179, BLDS Pháp quy định: “Vô hiệu là tuyệt đối khi quy định bị vi phạm có nội dung là bảo vệ lợi ích chung”. Ở đây, vô hiệu tuyệt đối là “chế tài cho vi phạm quy định hướng tới bảo vệ lợi ích chung”,⁸ “nhằm bảo vệ lợi ích chung”⁹ và giao dịch có “nội dung trái với quy định” được xác định là trường hợp “vô hiệu tuyệt đối”.¹⁰ BLDS của Quebec (Canada) cũng có cách tiếp cận như trên. Tại Điều 1417, BLDS này quy định “Sự vô hiệu của một hợp đồng là tuyệt đối khi điều kiện xác lập sự vô hiệu này là chế tài được áp đặt để bảo vệ lợi ích chung”.

Về vai trò của Tòa án, ở Pháp, BLDS đã có sửa đổi liên quan đến hợp đồng thông qua Sắc lệnh năm 2016. Ở đây, “vấn đề Tòa án tự tuyên giao dịch vô hiệu không được xem xét trong Sắc lệnh năm 2016. Đối với câu hỏi về việc khi được yêu cầu giải quyết vụ việc, Tòa án có thể tự xem xét sự vô hiệu của giao dịch hay không, từ lâu câu trả lời được đưa ra căn cứ vào tính chất của vô hiệu: Tòa án có thể tự xem xét vô hiệu tuyệt đối nhưng không thể một thỏa thuận có vô hiệu tuyệt đối hay không vô hiệu tương đối”.¹¹ Trong một thời gian dài, quy định của Pháp theo hướng “Tòa án có thể tự tuyên hợp đồng vô hiệu tuyệt đối với điều kiện liên quan đến trật tự công”.¹² Thực tế, “Tòa án tối cao Pháp quyết định rằng Tòa án giải quyết nội dung vụ việc cần tự xem xét trường hợp hợp đồng vô hiệu tuyệt đối”.¹³

Tòa án Pháp đã đưa ra nhận định trong một vụ việc rằng: “Hợp đồng giữa người sử dụng và doanh nghiệp sử dụng lao động tạm thời cần phải lập bằng văn bản và mọi hoạt động vì mục đích lợi nhuận có đối tượng duy nhất là cho mượn lao động bị cấm và bị xử lý hình sự khi không được tiến hành trong khuôn khổ quy định của luật”.¹⁴ Trong vụ việc này, Tòa phúc thẩm buộc thực hiện hợp đồng với lý do sự vô hiệu của hợp đồng không được nêu trong kết luận của một bên và Tòa phúc thẩm không buộc phải tự xem xét sự vô hiệu của hợp đồng. Tuy nhiên, hướng của Tòa phúc thẩm đã bị hủy ở cấp cao hơn và Tòa án tối cao Pháp hủy án phúc thẩm vừa nêu với hai lý do. Thứ nhất, “thủ tục của hợp đồng bằng văn bản do luật quy định trong quan hệ giữa người sử dụng và doanh nghiệp sử dụng lao động tạm thời có mục đích bảo đảm các điều kiện mà theo đó việc không tuân thủ dẫn tới mọi hoạt động cho mượn lao động bị cấm. Quy định này mang tính trật tự công và

8 F. Terré, Ph. Simler, Y. Lequette và F. Chénédé, *Les obligations*, Nxb. Précis-Dalloz 2019, phần số 542.

9 Antoine Chatain và Jean-Philippe Erb, “Les conséquences de la réforme du droit des contrats sur l’intervention du juge”, *JCP.E*, 2017, 1245, phần số 9.

10 Andreu Lionel, Forti Valerio và Savaux Éric, “Chronique de régime général des obligations”, *Petites affiches* du 01 août 2016, n°152.

11 Yves PICOD, *tlld*, phần 65.

12 F. Terré, Ph. Simler, Y. Lequette và F. Chénédé, *tlld*, phần số 535.

13 Sandrine Sana-Chaillé de Néré, “Fasc. 182: Contrat-Nullité du contrat-Régime de la nullité”, *JurisClasseur Contrats*, Distribution 2023, phần số 53.

14 Cass. soc., 17 avr. 1980, n° 78-14.348: Bull. civ. V, n° 318; D. 1980, tr. 456.

việc không tuân thủ dẫn tới hợp đồng vô hiệu tuyệt đối”. Thứ hai, “Tòa án phải giải quyết tranh chấp phù hợp với quy định được áp dụng, ngay cả khi việc áp dụng các quy định này không được các bên yêu cầu một cách hợp lệ”. Ở đây, Tòa án tối cao Pháp đã đưa ra phán quyết theo hướng Tòa án địa phương cần xem xét sự vô hiệu của hợp đồng dù không có bên nào yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu vì đây trường hợp là vô hiệu tuyệt đối.

BLDS Quebec (Canada) cũng có cách tiếp cận nêu trên nhưng rõ nét hơn BLDS Pháp về khả năng Tòa án tự tuyên bố giao dịch vô hiệu khi thuộc trường hợp vô hiệu tuyệt đối. Cụ thể, theo Điều 1418 BLDS Quebec (Canada), “sự vô hiệu tuyệt đối của một hợp đồng có thể được viện dẫn bởi bất kỳ ai có lợi ích hiện tại, phát sinh từ đó; Tòa án chủ động trong việc xem xét vô hiệu tuyệt đối”. Ở đây, “Tòa án có trách nhiệm tự xem xét vô hiệu tuyệt đối mà không bị giới hạn về thời gian”.¹⁵

1.2. Thực trạng ở Việt Nam

1.2.1. Về mặt quy định

BLDS năm 2015 không ghi nhận khái niệm “vô hiệu tuyệt đối” như pháp luật nước ngoài nêu trên, mặc dù một vài tài liệu liên quan đến pháp luật Việt Nam có nhắc đến thuật ngữ này. BLDS năm 2015 cũng có nhiều quy định về giao dịch vô hiệu nhưng các quy định này không rõ ràng về khả năng Tòa án tự tuyên bố giao dịch vô hiệu khi không bên nào yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu giao dịch.

Thực tế, khoản 1 Điều 43 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Luật TTTM) cho phép cơ quan tài phán xem xét hiệu lực của giao dịch ngay cả khi không có ai yêu cầu xem xét yếu tố này. Theo đó, “trước khi xem xét nội dung vụ tranh chấp, Hội đồng trọng tài phải xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét thẩm quyền của mình. Trong trường hợp vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo quy định của Luật này. Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc xác định rõ thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Hội đồng trọng tài quyết định đình chỉ việc giải quyết và thông báo ngay cho các bên biết”. Quy định này cho phép Hội đồng trọng tài tự xem xét về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài và có thể tuyên/xác định thỏa thuận trọng tài vô hiệu mặc dù không có bên nào yêu cầu. Tuy nhiên, phạm vi quy định này rất hẹp. Thứ nhất, quy định này chỉ trao quyền tự xem xét cho Hội đồng trọng tài khi giải quyết tranh chấp (không trao cho chủ thể khác như Tòa án). Thứ hai, quy định này chỉ liên quan đến thỏa thuận trọng tài (không liên quan đến giao dịch khác).

15 AVincent Karim, “L’ordre public en droit économique: contrats, concurrence, consommation”, *Cahiers de Droit* 1999, tr. 425.

Như vậy, hiện nay không có quy định cho biết trường hợp nào Tòa án được tự tuyên bố giao dịch vô hiệu khi không có bên nào yêu cầu việc này.

1.2.2. Thực tiễn tại Tòa án

Trong thực tiễn tại Tòa án, có xuất hiện trường hợp Tòa án được tự tuyên bố giao dịch vô hiệu mà không cần bên nào yêu cầu Tòa án làm việc này. Cụ thể, tại Công văn số 196/TANDTC-PC về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử ngày 03/10/2023, có câu hỏi: “Trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bên vay trả nợ theo hợp đồng tín dụng, nếu bên vay không trả nợ sẽ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Các đương sự không yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu. Trường hợp xét thấy hợp đồng thế chấp vô hiệu thì Tòa án có quyền tuyên bố hợp đồng thế chấp đó vô hiệu không?”. Khi trả lời câu hỏi này, Tòa án nhân dân tối cao đã khẳng định: “...nếu hợp đồng thế chấp tài sản vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định pháp luật thì Tòa án phải tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu mà không phụ thuộc vào việc đương sự có yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu hay không”. Điều này cho thấy, theo Tòa án nhân dân tối cao, khi không có yêu cầu xem tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu từ các đương sự thì Tòa án vẫn có thể xem xét về hiệu lực của hợp đồng và có thể tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu dù không bên nào yêu cầu Tòa án làm việc này.

Trong thực tiễn, có trường hợp Tòa án tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu dù không có bên nào yêu cầu việc này. Chẳng hạn, trong một bản án, Tòa án đã theo hướng: “Xét hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ngày 4/12/1993 giữa vợ chồng ông Lê T, bà Kim Thị Hồng Đ với bà Trần Thị Bích Đ là hợp đồng giả tạo, che đậy hợp đồng thực tế là hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Bích V với vợ chồng ông Lê T, bà Kim Thị Hồng Đ. Trong vụ án này, các đương sự không yêu cầu xem xét hợp đồng trên, nhưng để giải quyết triệt để vụ án, thấy cần thiết tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ngày 4/12/1993 giữa vợ chồng ông Lê T, bà Kim Thị Hồng Đ với bà Trần Thị Bích Đ.”¹⁶ Ở đây, Tòa án tự tuyên hủy hợp đồng khi xác định có giả tạo (thực chất là vô hiệu hợp đồng do có giả tạo).

1.3. Hướng xử lý ở Việt Nam

1.3.1. Mục đích của quy định bị vi phạm

Hiện nay, có rất nhiều quy định liên quan đến xác lập giao dịch và khi có vi phạm thì giao dịch thuộc trường hợp vô hiệu nhưng các quy định này có mục đích khác nhau. Có những quy định hướng tới bảo vệ một bên trong giao dịch, như quy định về năng lực hành vi dân sự hay tính tự nguyện của

16 Bản án số 260/2015/DS-PT ngày 28/12/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

bên tham gia tại điểm a, b khoản 1 Điều 117 BLDS năm 2015, theo đó: “Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, *năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập*; b) *Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện*”.

Bên cạnh đó, có những quy định hướng tới bảo vệ lợi ích lớn hơn lợi ích của các bên, đặc biệt là lợi ích xã hội hay lợi ích chung như quy định tại khoản 4 Điều 3 hay điểm c khoản 1 Điều 117 BLDS năm 2015, theo đó Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác” hay “Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây: Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội”.

1.3.2. Quy định vì lợi ích chung bị vi phạm

Phân tích ở phần trên cho thấy Pháp và Quebec (Canada) cho phép Tòa án tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu khi thuộc trường hợp vô hiệu tuyệt đối, tức khi giao dịch vi phạm quy định bảo vệ lợi ích chung. Tại Việt Nam, pháp luật hiện hành chưa quy định một cách cụ thể như vậy; tuy nhiên, tác giả cho rằng nên tham khảo và áp dụng những nguyên tắc tương tự (mặc dù không công nhận khái niệm vô hiệu tuyệt đối).

Đối với vô hiệu do vi phạm điều cấm, BLDS năm 2015 không giới hạn chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu vì Điều 123 chỉ nêu đơn giản là: “Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu”. Thiết nghĩ, “điều cấm hướng tới bảo vệ lợi ích chung nên ai có lợi ích trong việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì có quyền yêu cầu Tòa án làm việc này”.¹⁷ Ở đây, “khi không có ai yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, Tòa án cũng có thể tự tiến hành tuyên bố hợp đồng vô hiệu khi vi phạm điều cấm để bảo vệ lợi ích chung”.¹⁸ Hướng tương tự cũng nên được vận dụng cho trường hợp giao dịch trái đạo đức xã hội được quy định tại Điều 123 BLDS năm 2015, theo đó: “Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu” và “Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng”. Trong trường hợp giao dịch trái đạo đức xã hội, lợi ích của xã hội/lợi ích chung bị ảnh hưởng và Tòa án có thể tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu. Phần trên cho thấy Tòa án đã tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu do có giả tạo. Thực tế, BLDS năm 2015 tiếp cận theo hướng: “Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu” (khoản 1 Điều 124) và không giới hạn chủ thể yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu nên

17 Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức, 2022 (xuất bản lần thứ chín), Bản án số 54-57, phần bình luận số 13.

18 Về chủ đề này, xem Đỗ Văn Đại, *Sđd*, Bản án số 54-57, phần bình luận số 13.

chúng ta cũng có thể coi giao dịch giả tạo ảnh hưởng tới lợi ích chung và Tòa án có thể tự xem xét và tuyên giao dịch vô hiệu do có giả tạo.

Hướng tiếp cận vừa nêu vẫn phù hợp với Công văn số 196/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao, vì Công văn này cho phép Tòa án tự xem xét và tuyên giao dịch vô hiệu mà không giới hạn ở vi phạm loại quy định nào, nên có giá trị cho trường hợp vi phạm quy định bảo vệ lợi ích chung/lợi ích xã hội). Ở đây, hướng gợi ý nêu trên có phạm vi áp dụng rộng hơn Công văn số 196/TANDTC-PC vì Công văn số 196/TANDTC-PC chỉ áp dụng cho hợp đồng thế chấp.

1.3.3. Đối với người tiêu dùng

Liên quan đến khả năng Tòa án tự tuyên bố giao dịch vô hiệu (khi không có ai yêu cầu), pháp luật nước ngoài còn có quy định đặc thù đối với giao dịch với người tiêu dùng và có giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Trong lĩnh vực tiêu dùng ở Pháp, “trước đây, bên liên quan phải viện dẫn việc vi phạm pháp luật tiêu dùng”¹⁹ nhưng giải pháp đã thay đổi với luật năm 2008, theo đó: “Tòa án có thể tự áp dụng tất cả các quy định của Bộ luật tiêu dùng trong những tranh chấp phát sinh từ việc áp dụng Bộ luật này” (Điều L.141-4 Bộ luật tiêu dùng). Thực tế, “điều luật này trao cho Tòa án khả năng tự áp dụng và không phải là một nghĩa vụ tự áp dụng”.²⁰ Đối với điều khoản lạm dụng có trong hợp đồng với người tiêu dùng, “trong Án lệ Pannon năm 2009, Tòa án công lý của Liên minh châu Âu đã quyết định rằng Tòa án quốc gia có nghĩa vụ tự xem xét sự tồn tại của điều khoản có tính lạm dụng”.²¹ Hướng này sau đó được ghi nhận đối với Tòa án quốc gia ở Pháp. Chẳng hạn, liên quan đến việc vay tín dụng bất động sản, một Tòa phúc thẩm của Pháp đã không xem xét yêu cầu tuyên vô hiệu một số điều khoản mà người vay cho rằng có tính lạm dụng với lý do họ đáng ra phải đưa ra yêu cầu này trong khiếu nại phúc thẩm. Tuy nhiên, án phúc thẩm đã bị hủy bởi Tòa án tối cao Pháp với lý do Tòa phúc thẩm đã “không tự xem xét tính chất có lạm dụng của các điều khoản được đề cập đến trên cơ sở các yếu tố về luật và sự kiện mà Tòa phúc thẩm có trong hồ sơ”.²² Như vậy, “Tòa án tối cao Pháp đã khẳng định nghĩa vụ đối với Tòa án trong việc tự xem xét sự tồn tại của điều khoản có tính lạm dụng để loại bỏ nó và tương thích với án lệ của châu Âu”.²³ Nói cách khác, trên cơ sở quy định trong pháp luật về tiêu dùng tại Pháp, “Tòa án có thể tự áp dụng các quy định trong Bộ luật tiêu dùng trong các tranh chấp phát sinh từ việc áp dụng Bộ luật tiêu dùng. Thẩm quyền này được chuyển thành nghĩa vụ đối với các điều khoản có

19 Ph. Malaurie, L. Aynès và Ph. Stoffel-Munch, *Sdd*, phần số 423.

20 Jean Bruttin, “La consécration du relevé d’office de la clause abusive”, *RDI*, 2022, tr. 513.

21 Jean Bruttin, *tlld*.

22 Cass.civ. 1^{re}, 2 février 2022, n° 19-20.640, D. 2022. 277.

23 Jean Bruttin, *tlld*.

tính chất lạm dụng khi tính chất lạm dụng được thể hiện trong các yếu tố của tranh tụng”²⁴.

Ở Việt Nam, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 không có quy định rõ nét như hướng nêu trên ở nước ngoài khi có quy định 15 loại “điều khoản không được phép quy định trong hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung” tại Điều 25 mà không cho biết hướng xử lý như thế nào nếu các điều khoản này vẫn tồn tại trong giao dịch với người tiêu dùng. Nếu điều khoản như vậy tồn tại trong giao dịch với người tiêu dùng, nên thừa nhận rằng Tòa án cũng được quyền tự chủ trong việc xem xét và tuyên vô hiệu chúng dù người tiêu dùng không có yêu cầu về nội dung này.

2. Trường hợp Tòa án không được tự xem xét, tuyên bố giao dịch vô hiệu

2.1. Kinh nghiệm ban hành quy định ở nước ngoài

Một số hệ thống pháp luật ghi nhận “vô hiệu tương đối” và loại vô hiệu này có ảnh hưởng tới khả năng Tòa án tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu khi không có ai yêu cầu Tòa án làm việc này. Chẳng hạn, theo Điều 1419 BLDS Québec (Canada), tương đối khi điều kiện sự vô hiệu là nhằm xác lập bảo vệ những lợi ích cụ thể; đó có thể là trường hợp khi sự thỏa thuận của các bên hay của sự ưng thuận một bên có khiếm khuyết”. Pháp cũng có khái niệm vô hiệu tương đối được ghi nhận chính thức trong BLDS sau sửa đổi năm 2016. Cụ thể, tại Điều 1178, BLDS Pháp quy định “Vô hiệu là tương đối khi quy định bị vi phạm có nội dung duy nhất là bảo vệ một lợi ích cụ thể”. Thực tế, “khiếm khuyết về sự ưng thuận” như có nhầm lẫn, bị lừa dối, đe dọa/cưỡng ép khi giao dịch là những trường hợp “vô hiệu tương đối”.²⁵

So với vô hiệu tuyệt đối áp dụng khi quy định bị vi phạm hướng tới bảo vệ lợi ích chung, vô hiệu tương đối chỉ liên quan đến vi phạm quy định hướng tới bảo vệ lợi ích cụ thể, nhất là lợi ích của một bên như quy định về sự tự nguyện và vô hiệu do nhầm lẫn, lừa dối hay đe dọa là để bảo vệ lợi ích của một bên. Nói cách khác, “vô hiệu tuyệt đối là vô hiệu áp dụng cho vi phạm quy định về lợi ích chung trong khi đó vô hiệu tương đối được áp dụng khi lợi ích được bảo vệ chỉ là lợi ích cụ thể”.²⁶ Ở đây, “phân biệt giữa vô hiệu tuyệt đối và tương đối căn cứ vào nhận diện quy định bị vi phạm. Nếu quy định bị vi phạm có mục đích bảo vệ lợi ích chung, vô hiệu là tuyệt đối; nếu quy định bị vi phạm có nội dung là bảo vệ lợi ích tư, vô hiệu là tương

24 Yves Picod, *tlđđ*, phần 65.

25 Andreu Lionel, Forti Valerio và Savaux Éric, *tlđđ*. Arnaud Reygrobellet, “L’anéantissement du contrat”, *Bulletin Joly Sociétés*, 2016, tr. 457, phần số 3.

26 Sébastien Robineau, “La réforme du droit des contrats”, *Revue Lamy Droit des Affaires*, 2016, tr. 115.

đối”.²⁷ Theo một bản án năm 2010 của Tòa phúc thẩm Québec (Canada): “Phân biệt giữa vô hiệu tuyệt đối và vô hiệu tương đối không căn cứ vào tính nghiêm trọng của vi phạm. Chính mục đích của điều kiện bị vi phạm quyết định phương thức vô hiệu. Thực tế, Bộ luật Dân sự đã theo quan niệm này về vô hiệu thông qua phân biệt điều kiện xác lập hay điều kiện có hiệu lực bảo vệ lợi ích chung và điều kiện bảo vệ những lợi ích cụ thể”.²⁸

Về vai trò của tòa án, vì vô hiệu tương đối trong hệ thống pháp luật hướng tới bảo vệ lợi ích cụ thể và thông thường là của một bên trong giao dịch nên chỉ người được bảo vệ bởi quy định liên quan mới được yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu. Các chủ thể khác, trong đó có Tòa án, không thể tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu để chống lại người được quy định bảo vệ.

Pháp luật của Quebec (Canada) cũng tiếp cận theo hướng vừa nêu vì, theo Điều 1420 BLDS Quebec (Canada), “vô hiệu tương đối của một hợp đồng chỉ có thể được yêu cầu bởi người mà sự vô hiệu được xác lập hay bởi bên kia của hợp đồng nếu người này ngay tình và có thiệt hại nghiêm trọng; Tòa án không thể tự xem xét vô hiệu trong trường hợp này”. Trong thực tiễn, thẩm phán Quebec (Canada) cũng giải quyết theo hướng cho rằng việc vô hiệu do không có đủ năng lực hay do khiếm khuyết trong nhận thức là “vô hiệu tương đối” và “Tòa án không thể tự xem xét và tuyên loại vô hiệu này”.²⁹

Ở Pháp, “về nguyên tắc, Tòa án dù ở cấp nào chắc chắn không thể tự xem xét trường hợp vô hiệu tương đối vì Tòa án cần phải tôn trọng quyền tự quyết của chủ thể hưởng vô hiệu hay từ bỏ việc vô hiệu thông qua việc xác nhận giao dịch”.³⁰ Trong thời gian dài, “Tòa án chỉ có thể xem xét vô hiệu tương đối nếu sự vô hiệu này được yêu cầu áp dụng bởi bên liên quan”.³¹ Sau này, “BLTTDS mới đã làm mới vấn đề với việc mở rộng thẩm quyền của của Tòa án. Ngày nay, Tòa án có thể tự xem xét sự vô hiệu với điều kiện quyết định của mình chỉ dựa vào các sự kiện trong quá trình tranh tụng và tuân thủ nguyên tắc tranh tụng”.³² Sau lần sửa đổi năm 2016, Điều 1181 BLDS Pháp quy định: “Vô hiệu tương đối chỉ có thể được yêu cầu bởi bên mà pháp luật muốn bảo vệ”. Với quy định này, vô hiệu tương đối được áp dụng “trong trường hợp có khiếm khuyết về sự ưng thuận được yêu cầu bởi bên có khiếm khuyết về sự ưng thuận”.³³

27 Bruno Dondero, “La réforme du droit des contrats-Ordonnance n° 2016-131 du 10 février 2016”, *JCP.E*, 2016, 1283, phần số 20.

28 Maurice Tancelin và Daniel Gardner, *Jurisprudence commentée sur les obligations*, Nxb. Wilson & Lafleur 2022, tr. 181.

29 Maurice Tancelin và Daniel Gardner, *tldd*, tr.181.

30 Sandrine Sana-Chaillé de Néré, *tldd*, phần số 58.

31 F. Terré, Ph. Simler, Y. Lequette và F. Chénédé, *tldd*, phần số 535.

32 F. Terré, Ph. Simler, Y. Lequette và F. Chénédé, *tldd*, phần số 535.

33 F. Terré, Ph. Simler, Y. Lequette và F. Chénédé, *tldd*, tr. 541.

Để thấy rõ hơn vai trò của Tòa án trong việc vận dụng quy định về vô hiệu tương đối, một số vụ kiện cụ thể được phân tích trong phần này. Theo pháp luật Pháp, thông báo chấm dứt hợp đồng thuê địa điểm thương mại phải được tiến hành thông qua thừa phát lại. Trong một tranh chấp liên quan đến việc bên cho thuê gửi thông báo chấm dứt hợp đồng thuê địa điểm thương mại đến Công ty TR không qua thừa phát lại mà qua thư bảo đảm, Tòa án cấp phúc thẩm đã tự tuyên bố thông báo chấm dứt đó vô hiệu. Tuy nhiên, Tòa án tối cao Pháp đã hủy án phúc thẩm với lý do: “Vô hiệu do không tuân thủ phương thức thông báo chấm dứt là vô hiệu tương đối, chỉ có thể được viện dẫn bởi bên mà luật muốn bảo vệ trong khi đó Công ty TR không khiếu nại về hiệu lực của các thông báo chấm dứt mà họ đã nhận”.³⁴

Ví dụ nêu trên cho thấy Tòa án không thể tự xem xét và tuyên giao dịch vô hiệu khi đó là vô hiệu tương đối và liên quan đến một hành vi pháp lý đơn phương. Thực tế, việc Tòa án không thể tự can thiệp trong việc tuyên vô hiệu tương đối khá phổ biến đối với hợp đồng. Chẳng hạn, theo pháp luật Pháp (luật năm 1966), thỏa thuận về mức lãi trong vay tín dụng phải được lập thành văn bản và Tòa án cho rằng yêu cầu này là để bảo vệ bên vay, chỉ bên vay được viện dẫn áp dụng và Tòa án không được tự can thiệp. Ví dụ, trong một vụ kiện ông A mở một tài khoản tại tổ chức tín dụng CCF, sau đó CCF khởi kiện ông A để yêu cầu thanh toán và ông A không tham gia tố tụng. Tòa phúc thẩm tuyên vô hiệu thỏa thuận về mức lãi suất và áp dụng mức lãi suất luật định. Tuy nhiên, Tòa án tối cao Pháp đã hủy án phúc thẩm với lý do “những quy định mang tính trật tự công của Điều 4 Luật ngày 28/12/1966 được ban hành chỉ vì lợi ích của người vay, việc vi phạm những quy định này có chế tài là vô hiệu tương đối cho điều khoản về lãi theo thỏa thuận, do đó, việc điều khoản đó không có hiệu lực chỉ có thể được vận dụng theo yêu cầu của ông A đối với CCF”.³⁵ Khi bình luận quyết định này, một tác giả nêu rằng: “Thẩm phán không có thẩm quyền tự tuyên vô hiệu một điều khoản của hợp đồng, chế tài cho việc vi phạm luật chỉ thuộc về bên được bảo vệ”.³⁶

Ở đây, “sự tồn tại về thẩm quyền của Tòa án bị điều kiện hóa bởi mục đích của quy định bị vi phạm”³⁷ và Tòa án địa phương cũng thường khai thác yếu tố này khi giải quyết tranh chấp. Chẳng hạn, trong một tranh chấp bị khiếu nại phúc thẩm, ngân hàng BNP cho rằng Tòa án đã vi phạm pháp luật khi không yêu cầu ngân hàng cho ý kiến về sự vô hiệu của các giao dịch bảo lãnh, Tòa phúc thẩm Paris đã xét rằng “vô hiệu do có khiếm khuyết về sự ưng thuận chỉ là vô hiệu tương đối; do đó, Tòa án không có quyền tự tuyên

34 Cass. civ. 3, 20/12/1982, n° 81-13.495.

35 Cass. com, 03 mai 1995, 93-12256

36 Frédérique Eudier, “Le juge a-t-il le pouvoir d’appliquer d’office une règle d’ordre public de protection?”, *Dalloz*, 1997, tr. 124.

37 Frédérique Eudier, *tlld*.

vô hiệu các cam kết bảo lãnh”.³⁸ Nội dung này cho thấy Tòa án đã tự nhận định không có quyền tự tuyên giao dịch vô hiệu khi đó chỉ là vô hiệu tương đối (vô hiệu để bảo vệ lợi ích cụ thể, nhất là của một bên).

2.2. Thực trạng ở Việt Nam

Về mặt văn bản quy phạm, BLDS năm 2015 có quy định những trường hợp về giao dịch vô hiệu khá giống với trường hợp vô hiệu tương đối ở nước ngoài nêu trên. Đó là trường hợp vô hiệu do nhầm lẫn, theo đó: “Trường hợp giao dịch dân sự được xác lập có sự nhầm lẫn làm cho một bên hoặc các bên không đạt được mục đích của việc xác lập giao dịch thì bên bị nhầm lẫn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này” (khoản 1 Điều 126 BLDS năm 2015) hay do lừa dối, đe dọa, theo đó “Khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối hoặc bị đe dọa, cưỡng ép thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu” (Điều 127 BLDS năm 2015).

Trong các quy định nêu trên, chủ thể (bên bị khiếm khuyết về nhận thức) được quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu. Tuy nhiên, quy định này chưa cho biết chủ thể khác có bị loại bỏ khả năng yêu cầu hay không, cũng như chưa cho biết có loại trừ khả năng Tòa án tự xem xét và tuyên giao dịch vô hiệu hay không khi người bị khiếm khuyết về nhận thức không có yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu.

Về thực tiễn tại Tòa án, trong Công văn số 196/TANDTC-PC nêu trên, Tòa án nhân dân tối cao tiếp cận theo hướng Tòa án có quyền tự xem xét và tuyên vô hiệu khi có “vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định pháp luật”, nên có thể dẫn tới cách hiểu hướng này được áp dụng cho cả những trường hợp nêu trên như trường hợp vi phạm về điều kiện tự nguyện (vô hiệu do nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa).

Trên thực tế, có rất nhiều trường hợp vô hiệu được ghi nhận là để bảo vệ lợi ích của một bên và vô hiệu giao dịch không phải lúc nào cũng là giải pháp tốt cho họ. Để hiểu rõ hơn, bài viết nghiên cứu một vụ kiện cụ thể liên quan đến một hợp đồng vay tín dụng có thể chấp giữa bà Hiền và ông Nuôi với ngân hàng, nhưng ông Nuôi cho rằng không biết cũng như không ký các hợp đồng trên (có việc đánh tráo ảnh trong chứng minh nhân dân để nhờ người khác ký tên). Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát kháng nghị theo hướng bà Hiền gian dối và Tòa án không tuyên hợp đồng vô hiệu, là không đúng. Tuy nhiên, Tòa phúc thẩm đã xét rằng: “Trong vụ án này bên bị lừa dối là Ngân hàng, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó vô hiệu, vì vậy Tòa án chưa có căn cứ tuyên bố vô hiệu”.³⁹ Ở đây, người bị lừa dối là ngân hàng và ngân hàng không có

38 CA Paris, 15e ch., sect. B, 26 juill. 1986: JurisData n° 1986-023155.

39 Bản án số 26/2011/KDTM-PT ngày 08/3/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh.

nhu cầu vô hiệu giao dịch (vì vô hiệu sẽ dẫn tới ngân hàng không có biện pháp bảo đảm) nên nếu Tòa án hay Viện kiểm sát tự theo hướng giao dịch thế chấp vô hiệu là bất lợi cho ngân hàng.

Với trường hợp trên, người được bảo vệ quyết định bởi vô hiệu không có yêu cầu Tòa án tuyên giao dịch vô hiệu mà Tòa án lại tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu đồng nghĩa với việc Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu.

2.3. Hướng xử lý ở Việt Nam

Hướng dẫn trong Công văn số 196/TANDTC-PC nêu trên có thể dẫn tới cách hiểu trong mọi trường hợp khi có “vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định pháp luật”, Tòa án có quyền tự xem xét và tuyên vô hiệu giao dịch mà không có bất kỳ phân biệt nào, bất kỳ giới hạn nào. Hướng tiếp như vậy là không thuyết phục. Bởi lẽ, có trường hợp vô hiệu là để bảo vệ một bên và bên được bảo vệ không muốn giao dịch vô hiệu.

Chẳng hạn, “khi hợp đồng được giao kết có lừa dối thì không phải chủ thể nào cũng có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Các quy định về lừa dối có mục đích bảo vệ người bị lừa dối nên chủ thể được viện dẫn các quy định về lừa dối phải là người bị lừa dối”.⁴⁰ BLDS năm 2015 quy định khá rõ về vấn đề này: Người yêu cầu Tòa án can thiệp là người bị lừa dối và chính xác là “bên” bị “lừa dối” vì BLDS đã quy định “khi một bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu”. Ở đây, bên tham gia giao dịch dân sự do bị lừa dối mới “có quyền yêu cầu Tòa án” tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu. “Nếu không có cơ sở khẳng định bên bị lừa dối đã yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì việc Tòa án tự tuyên bố hợp đồng vô hiệu là quá phạm vi yêu cầu, vi phạm quyền tự định đoạt trong tố tụng dân sự được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự cũng như các quy định về lừa dối nêu trên”.⁴¹

Với kinh nghiệm từ pháp luật nước ngoài, nên tiếp cận theo hướng Tòa án không thể tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu đối với trường hợp vô hiệu là để bảo vệ một bên khi bên này không thể hiện mong muốn giao dịch vô hiệu. Đối với các trường hợp này, BLDS quy định chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu (do họ được bảo vệ). “Ở đây, chỉ chủ thể được liệt kê mới có quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu; đó là quy định bảo vệ một số chủ thể nhất định nên cần dành quyền yêu cầu tuyên bố vô hiệu cho những chủ thể này mà thôi”,⁴² Tòa án không thể tự xem xét và tuyên vô hiệu giao dịch trong những trường hợp như vậy.

Ngoài những trường hợp về nhầm lẫn, lừa dối hay đe dọa nêu trên, BLDS còn có những trường hợp khác về vô hiệu mà, theo tác giả, Tòa án không thể tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu khi chủ thể được các quy định về vô

40 Đỗ Văn Đại, *Sdd*, Bản án số 48-49, phần bình luận số 9.

41 Đỗ Văn Đại, *Sdd*, Bản án số 48-49, phần bình luận số 9.

42 Đỗ Văn Đại, *Sdd*, Bản án số 54-57, phần bình luận số 13.

hiệu bảo vệ không yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu. Đó là trường hợp “giao dịch dân sự vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình” được quy định tại Điều 128 BLDS năm 2015 (chỉ người không nhận thức và làm chủ được hành vi mới có quyền yêu cầu⁴³), hay là trường hợp “giao dịch dân sự vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện” được quy định tại Điều 125 BLDS năm 2015 (“theo yêu cầu của người đại diện của người đó, Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu nếu theo quy định của pháp luật giao dịch này phải do người đại diện của họ xác lập, thực hiện hoặc đồng ý”).

Bên cạnh đó, BLDS năm 2015 có quy định về xác lập giao dịch thông qua đại diện. Khi người đại diện xác lập giao dịch mà không có hay vượt quá quyền đại diện, người được đại diện được bảo vệ. Về nguyên lý bảo vệ người được đại diện trong trường hợp vừa nêu, BLDS năm 2015 tiếp cận theo hướng “giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện” (khoản 1 Điều 142) và “giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người được đại diện đối với phần giao dịch được thực hiện vượt quá phạm vi đại diện” (khoản 1 Điều 143). Ở đây, BLDS năm 2015 không khẳng định giao dịch vô hiệu đối với người được đại diện nhưng Luật TTTM theo hướng thỏa thuận trọng tài vô hiệu vì quy định “thỏa thuận trọng tài vô hiệu” khi “người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật” (khoản 2 Điều 18). Mặc dù chưa có sự thống nhất về cách vô hiệu hóa giao dịch, chúng ta cũng nên xem xét theo hướng đây là trường hợp bảo vệ người được đại diện và chỉ người được đại diện mới có thể yêu cầu vô hiệu hóa giao dịch, Tòa án không thể tự xem xét và tuyên giao dịch vô hiệu khi người được đại diện không thể hiện ý định muốn vô hiệu hóa giao dịch (mặc dù được xác lập bởi người không có hay vượt quá quyền đại diện). Đó cũng là hướng được ghi nhận ở nước ngoài như Pháp vì, theo Tòa án tối cao Pháp, “vô hiệu hợp đồng do người đại diện không có quyền đại diện là tương đối, chỉ có thể được yêu cầu bởi người được đại diện”.⁴⁴

Nhìn chung, có những trường hợp Tòa án có quyền tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu và cũng có trường hợp Tòa án không có quyền tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu khi không bên nào yêu cầu. Các hoàn cảnh này khác nhau chủ yếu dựa vào mục đích của quy định bị vi phạm mà chúng ta cần áp dụng chế tài vô hiệu. Tuy nhiên, có những

43 Điều luật này quy định “Người có năng lực hành vi dân sự nhưng đã xác lập giao dịch vào đúng thời điểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu”.

44 Cass. 1re civ., 9 juill. 2009, n° 08-15.413, F-D, Mme X c/Sté CIREC et autre: Contrats Concurrence Consommation n° 11, novembre 2009, comm. 260.

trường hợp chưa thực sự rõ là thuộc trường hợp nào trong hai trường hợp vừa nêu, nên cần có phân tích bổ sung.

Theo khoản 2 Điều 117 và Điều 129 BLDS năm 2015: “Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định”, “Giao dịch dân sự vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức thì vô hiệu”. Theo tác giả, rất khó xác định được mục đích của quy định vừa nêu về hình thức nên cũng rất khó xác định đây là trường hợp Tòa án được hay không được tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu. Thực tế, trong BLDS năm 1995 (Điều 139 và Điều 145), các nhà lập pháp để thời hiệu yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu về hình thức là vô thời hạn như trường hợp giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội hay giả tạo nhưng ngày nay thời hiệu yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu về hình thức được quy định tương đồng với trường hợp vô hiệu nhằm bảo vệ lợi ích của một bên như vô hiệu do nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa (khoản 1 Điều 132 BLDS năm 2015) đồng thời khoản 1 Điều 132 BLDS năm 2015 còn khẳng định: “Hết thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này mà không có yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu thì giao dịch dân sự có hiệu lực”. Trước sự thay đổi này, nên xem loại vô hiệu về hình thức thuộc nhóm trường hợp Tòa án không được tự tuyên giao dịch vô hiệu khi không có bên nào yêu cầu.

Theo Điều 123 BLDS năm 2015, “giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu” và “điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định”. Thực tế, có những quy định không cho phép chủ thể thực hiện hành vi nhất định nhưng không phải để bảo vệ lợi ích chung/lợi ích của xã hội mà chỉ để bảo vệ lợi ích của một bên. Trong trường hợp như vậy, chúng ta không nên để Tòa án tự xem xét và tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và quyền quyết định cần được trao cho bên mà điều luật bị vi phạm muốn bảo vệ. Chẳng hạn, theo khoản 8 Điều 320 BLDS năm 2015, bên thế chấp “không được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp”. Quy định này được xây dựng để bảo vệ bên nhận thế chấp nên chỉ bên nhận thế chấp mới được yêu cầu tuyên bố giao dịch vô hiệu do vi phạm quy định vừa nêu. Tòa án không có quyền tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu khi bên nhận thế chấp không yêu cầu.

Kết luận

Vấn đề về quyền tự xem xét và tuyên bố giao dịch vô hiệu được quy định trong pháp luật Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Kinh nghiệm từ các nước cho thấy việc xem xét này thường dựa trên mục đích của quy định bị vi phạm. Cụ thể, nếu quy định đó nhằm bảo vệ lợi ích chung hoặc lợi ích xã hội, Tòa án có quyền tự tuyên bố giao dịch vô hiệu. Ngược lại, nếu quy định

chỉ bảo vệ lợi ích của một bên, chỉ bên đó mới có quyền quyết định, và Tòa án không thể tự tuyên vô hiệu khi không có yêu cầu. Tại Việt Nam, BLDS năm 2015 không quy định rõ về vấn đề này, và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao năm 2023 cũng chỉ áp dụng hạn chế trong các trường hợp cụ thể như thế chấp. Điều này có thể dẫn sự đến hiểu nhầm rằng Tòa án có quyền tự tuyên giao dịch vô hiệu trong mọi trường hợp, điều này không hoàn toàn thuyết phục. Do đó, cần dựa vào mục đích của quy định bị vi phạm để xác định quyền hạn của Tòa án trong việc tuyên giao dịch vô hiệu. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Antoine Chatain và Jean-Philippe Erb, “Les conséquences de la réforme du droit des contrats sur l’intervention du juge”, *JCP.E*, 2017, 1245 [trans: Antoine Chatain, Jean-Philippe Erb, “The consequences of the reform of contract law on the intervention of the judge”, *JCP.E*, 2017, 1245]
- [2] Đỗ Văn Đại, *Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án* (xuất bản lần thứ chín), Nxb. Hồng Đức, 2022 [trans: Do Van Dai, *Vietnamese contract law-Judgements and comments*, (ninth edition), Hong Duc Publishing House, 2022]
- [3] Bruno Dondero, “La réforme du droit des contrats-Ordonnance n° 2016-131 du 10 février 2016”, *JCP.E* 2016, 1283 [trans: Bruno Donder, “The reform of contract law – Ordinance No. 2016-131 of February 10, 2016”, *JCP.E* 2016, 1283]
- [4] Frédérique Eudier, “Le juge a-t-il le pouvoir d’appliquer d’office une règle d’ordre public de protection?”, *Dalloz* 1997 [trans: Frederique Eudier, “Does the judge have the power to apply a rule of public order of protection ex officio?”, *Dalloz* 1997]
- [5] AVincent Karim, “L’ordre public en droit économique: contrats, concurrence, consommation sumption”, *Cahiers de Droit*, 1999 [trans: AVincent Karim, “Public order in economic law: contracts, competition, con”, *Law Notebooks*, 1999]
- [6] Andreu Lionel, Forti Valerio và Savaux Éric, “Chronique de régime général des obligations”, *Petites affiches* du 01 août 2016 [trans: Andreu Lionel, Forti Valerio and Eric Savaux, “Chronicle of the general regime of obligations”, *Small posters* from August 1, 2016]
- [7] Ph. Malaurie, L. Aynès và Ph. Stoffel-Munch, *Les obligations*, Deffrénois, 2004 [trans: Ph. Malaurie, L. Aynès and Ph. Stoffel-Munch, *The obligations*, Deffreno, 2004]
- [8] Yves Picod, “Nullité”, *Répertoire de droit civil Dalloz*, 2019 [trans: Yves Picod, “Nullity”, *Dalloz Civil Law Directory*, 2019]
- [9] Sébastien Robineau, “La réforme du droit des contrats/The reform of contract law”, *Revue Lamy Droit des Affaires*, 2016 [trans: Sébastien Robineau, “The reform of contract law”, *Lamy Business Law Review*, 2016]
- [10] G. Rouhette, *Principes européens du contrat*, Société de législation comparée, 2003 [trans : G. Rouhette, *European contract principles*, Society of Comparative Legislation, 2003]
- [11] Sandrine Sana-Chaillé de Néré, “Fasc. 182: Contrat-Nullité du contrat-Régime de la nullité”, *JurisClasseur Contrats*, Distribution 2023 [trans: Sandrine Sana-Chaillé from Néré, “Fasc. 182: Contract-Nullity of the contract-Regime of nullity”, *JurisClasseur Contrats*, Distribution 2023]
- [12] Terré, Ph. Simler, Y. Lequette và F. Chénéde, *Les obligations*, Précis-Dalloz, 2019 [trans: Terré, Ph. Simler, Y. Lequette and F. Chénéde, *The obligations*, Precise-Dalloz, 2019]
- [13] Maurice Tancelin và Daniel Gardner, *Jurisprudence commentée sur les obligations*, Wilson & Lafleur, 2022 [trans: Maurice Tancelin và Daniel Gardner, *Case law commented on obligations*, Wilson & Lafleur, 2022]